

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 03/9/2019

V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sỹ Lĩnh

Bà Lại Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Tòa án Lâm Hà giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị K’N, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Tổ dân phố R, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh K’M, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Tổ dân phố R, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội V

Trụ sở: Số xxx phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh C, chức vụ: Giám đốc PGD Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quyết định ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội V.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị K’N, anh K’M có mặt, ông C có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị K'N trình bày: Chị K'N và anh K'M xây dựng gia đình với nhau vào năm 2006 trên cơ sở tình nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K'M không chịu khó làm ăn, không quan tâm chăm sóc cho vợ con. Hơn nữa, anh K'M còn thường xuyên uống rượu, mỗi lần uống rượu say về anh K'M lại chửi và đánh đập chị nên mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng hơn. Đến nay, chị K'N xác định tình cảm vợ chồng không thể cải thiện, chị không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân như hiện nay do mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên chị K'N yêu cầu được ly hôn với anh K'M.

Về con chung chị K'N xác định quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là K'D, sinh ngày 23/6/2006 và K'K, sinh ngày 28/02/2010. Khi ly hôn, chị K'N yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh K'M phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, chị K'N xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, chị K'N xác định vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lâm Hà số tiền là 18.106.000đồng, nợ chị K'N, trú tại Tổ dân phố R, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng số tiền là 25.000.000đồng, nợ bà Võ Thị A, trú tại số nhà xxx, tổ dân phố V, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng số tiền là 15.000.000đồng, nợ đại lý phân bón N của bà Nguyễn Thị M, trú tại số nhà xx, tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện Lâm Hà số tiền là 17.080.000đồng. Khi ly hôn, chị nhận trách nhiệm trả các số nợ trên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của anh K'M trình bày: Anh K'M và chị K'N xây dựng gia đình với nhau vào năm 2004, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị K'N thường xuyên bỏ nhà đi, không chăm sóc cho chồng cho con, ngoài ra cứ đến mùa thu hoạch lúa, cà phê xong thì chị K'N lại mang toàn bộ sản phẩm vừa thu hoạch đi chỗ khác. Nay chị K'N yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn vì anh xác định vẫn còn tình cảm với chị K'N và do các con còn nhỏ nên anh muốn cố gắng tìm cách để cải thiện tình cảm gia đình.

Về con chung, anh K'M xác định vợ chồng có hai con chung là K'D, sinh ngày 23/6/2006 và K'K, sinh ngày 28/02/2010. Khi ly hôn, anh K'M yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị K'N phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, anh K'M xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung, anh K'M xác định vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lâm Hà số tiền là 18.106.000đồng, nợ bà Võ Thị A, trú tại số nhà xxx, tổ dân phố V, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng số tiền là 15.000.000đồng, nợ đại lý phân bón N của bà Nguyễn Thị M, trú tại số nhà xx, tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện Lâm Hà số tiền là 17.080.000đồng. Khi ly hôn, anh yêu cầu Tòa án chia đôi nợ chung cho vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, do ông Nguyễn Thanh C đại diện theo ủy quyền trình bày: Theo hồ sơ vay vốn số 6000001044125815, Ngân hàng chính sách xã hội V – Chi nhánh Lâm Đồng – Phòng giao dịch huyện L cho chị K’N và anh K’M vay số tiền gốc là 8.000.000đồng; Theo hồ sơ vay vốn số 6600000714249049 thì Ngân hàng chính sách xã hội V – Chi nhánh Lâm Đồng – Phòng giao dịch huyện L cho vợ chồng K’N và anh K’M vay số tiền là 10.000.000đồng. Tổng cộng chị K’N và anh K’M đã vay của Ngân hàng chính sách xã hội V số tiền gốc là 18.000.000đồng. Khi chị K’N và anh K’M ly hôn, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu vợ chồng chị K’N và anh K’M phải trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền là 18.106.000đồng, trong đó nợ gốc là 18.000.000đồng và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng vay đến ngày 07/6/2019 là 106.000đồng. Đồng thời, yêu cầu chị K’N và anh K’M tiếp tục chịu lãi phát sinh theo các hợp đồng vay đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh K’M vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, chị K’N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh K’M phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị K’N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn anh K’M không đồng ý ly hôn, nếu phải ly hôn thì anh K’M yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị K’N phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung anh K’M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị K’N. Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo nguyện vọng của con, giao 02 con chung là K’D, sinh ngày 23/6/2006 và K’K, sinh ngày 28/02/2010 cho chị K’N có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục; anh K’M không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; về nợ chung, đối với khoản nợ chị K’N, trú tại Tổ dân phố R, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng số tiền là 25.000.000đồng, nợ bà Võ Thị A, trú tại số nhà xxx, tổ dân phố V, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng số tiền là 15.000.000đồng, nợ đại lý phân bón N của bà Nguyễn Thị M, trú tại số nhà xx, tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện Lâm Hà số tiền là 17.080.000đồng đề nghị không xem xét do các đương sự không có yêu cầu, trường hợp sau này có tranh chấp thì sẽ xem xét giải quyết sau.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội V đối với yêu cầu buộc chị K’N và anh K’M phải trả cho Ngân hàng khoản nợ 18.106.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng*: Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam là ông Nguyễn Thanh Chương vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam là hoàn toàn phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị K'N và anh K'M xây dựng gia đình với nhau vào năm 2004, trên cơ sở tự nguyện nhưng đến năm 2006 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Việc kết hôn của chị K'N và anh K'M tuân theo các điều kiện kết hôn được quy định tại Điều 9 và đảm bảo thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Cuộc sống chung của vợ chồng không được hòa thuận hạnh phúc nên chị K'N làm đơn xin ly hôn. Xét thấy, vợ chồng chị K'N, anh K'M phát sinh mâu thuẫn là do kinh tế gia đình khó khăn nhưng vợ chồng không thống nhất và không tin tưởng nhau trong việc phát triển kinh tế gia đình nên thường hay cãi nhau. Hơn nữa, anh K'M mỗi khi uống rượu thì thường hay đập phá đồ dùng trong gia đình khiến cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Bản thân anh K'M không đồng ý ly hôn nhưng quá trình giải quyết vụ án gia đình đã nhiều lần động viên nhưng anh K'M không thay đổi và Tòa án cũng tiến hành hòa giải để các bên suy nghĩ lại nhằm cải thiện quan hệ vợ chồng nhưng anh K'M đều vắng mặt và đến nay vợ chồng cũng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Đồng thời, tại phiên tòa anh K'M trình bày lý do anh không đồng ý ly hôn là do vợ chồng đã thề nguyện khi làm lễ ở nhà thờ và các con còn nhỏ. Vì vậy, nếu cứ tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và vợ chồng đã tự sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị K'N, xử cho chị K'N và anh K'M được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] *Về con chung*: Chị K'N và anh K'M cùng xác định giữa anh, chị có 02 con chung là K'D, sinh ngày 23/6/2006 và K'K, sinh ngày 28/02/2010. Tại phiên tòa, cả chị K'N và anh K'M đều yêu cầu được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu phía bên kia cấp dưỡng. Việc yêu cầu được nuôi con của anh chị là chính đáng nhưng khi giao con cho bố hoặc mẹ có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét đến điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển toàn diện cho trẻ. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay thì các con đều ở với chị K'N, hiện các cháu đều đang đi học và phát triển bình thường. Qua kết quả xác minh của Tòa án thì chị K'N là người chịu khó làm ăn, có trách nhiệm trong việc chăm sóc gia đình và nuôi dạy các con; còn anh K'M chưa có công việc làm nên thu nhập chưa ổn định. Hơn nữa, hiện nay cháu K'D và K'K đã trên 07 tuổi và đều có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ không chung sống với nhau. Vì vậy, để đảm bảo điều kiện chăm sóc, học tập và phát triển ổn định tốt nhất cho trẻ cần căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cả hai con là K'D, sinh ngày 23/6/2006 và K'K, sinh ngày 28/02/2010 cho chị K'N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục theo nguyện vọng của các con. Về việc cấp dưỡng nuôi con, do chị K'N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Chị K'N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn anh K'M trình bày vợ chồng có một số tài sản do anh có công tạo lập nên anh không đồng ý giao cho chị K'N quản lý. Tuy nhiên, từ khi thụ lý vụ án đến nay, anh K'M không có đơn yêu cầu cụ thể và không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Hơn nữa trong lời khai của mình tại Tòa án thì anh K'M cũng không có lời khai cụ thể về vấn đề tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét về vấn đề tài sản chung trong vụ án này. Trường hợp sau khi ly hôn anh K'M và chị K'N không tự thỏa thuận giải quyết với nhau được về vấn đề tài sản chung và có phát sinh tranh chấp, khi có yêu cầu khởi kiện sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác theo thủ tục chung.

[5] *Về nợ chung*: Chị K'N và anh K'M cùng xác định, quá trình chung sống có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lâm Hà số tiền là 18.106.000đồng, nợ bà Võ Thị A, trú tại số nhà xxx, tổ dân phố V, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng số tiền là 15.000.000đồng, nợ đại lý phân bón N của bà Nguyễn Thị M, trú tại số nhà xx, tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện Lâm Hà số tiền là 17.080.000đồng. Riêng số nợ của nợ chị K'N, trú tại Tổ dân phố R, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng số tiền là 25.000.000đồng thì anh K'M không thừa nhận là nợ chung. Khi ly hôn chị K'N nhận trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên còn anh K'M yêu cầu chia đôi nợ chung để cả hai cùng có trách nhiệm trả nợ và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[6] Xét thấy, đối với khoản nợ chị K'N số tiền là 25.000.000đồng, nợ bà Võ Thị A số tiền là 15.000.000đồng, nợ bà Nguyễn Thị M số tiền là 17.080.000đồng thì quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị K'N, bà Võ Thị A, bà Nguyễn Thị M đề nghị để các bên tự thỏa thuận giải quyết với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Nếu sau này chị K'N và anh K'M vi phạm nghĩa vụ trả nợ, các bên phát sinh tranh chấp và có yêu cầu khởi kiện thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Đối với khoản nợ Ngân hàng chính sách xã hội V, phòng giao dịch huyện L tổng số tiền là 18.106.000đồng, trong đó nợ gốc là 18.000.000đồng và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng vay đến ngày 07/6/2019 là 106.000đồng. Xét thấy, trong tổng số nợ mà chị K'N và anh K'M vay của Ngân hàng thì trong đó ngày 19/11/2009 anh K'M ký hồ sơ vay của Ngân hàng số tiền 8.000.000đồng, lãi suất là 0,25%/01 tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay, mục đích vay là xây nhà, hạn trả nợ gốc định kỳ 12 tháng, mỗi kỳ trả 1.600.000đồng, hạn trả cuối cùng là ngày 20/11/2019; ngày 17/12/2018 anh K'M ký hợp đồng với Ngân hàng và vay số tiền 10.000.000đồng, lãi suất là 0.55%/01 tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay, mục đích vay là tái canh cà phê, hạn trả nợ gốc định kỳ 06 tháng, mỗi kỳ trả 1.100.000đồng, thời hạn vay là 60 tháng. Như vậy, tổng số tiền anh K'M ký vay của Ngân hàng chính sách xã hội V thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện L là 18.000.000đồng. Số tiền vay này cả chị K'N và anh K'M cùng xác định là vay để sử dụng vào mục đích của gia đình và là nợ chung của vợ chồng anh, chị. Mặc dù, khoản nợ vay trên thì chị K'N và

anh K'M đều thực hiện trả lãi theo đúng thỏa thuận của hồ sơ vay đã ký với Ngân hàng và các khoản nợ đều chưa đến hạn trả cuối cùng. Căn cứ Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì "*Vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới*" về các nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Nay, chị K'N và anh K'M ly hôn sẽ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng chính sách xã hội V về việc thu hồi vốn cho hộ gia đình (vợ chồng K'N và anh K'M) vay. Do vậy, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu chị K'N và anh K'M phải trả cho Ngân hàng số tiền 18.106.000đồng và tiền lãi phát sinh theo hồ sơ vay là có cơ sở và cần xem xét chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng là hoàn toàn phù hợp.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, chị K'N có nguyện vọng được nhận trả toàn bộ các khoản nợ trong đó có nợ Ngân hàng vì phần lớn các khoản nợ vay đều dùng vào mục đích xây nhà và làm kinh tế gia đình. Hơn nữa, chị K'N là người có trách nhiệm, chịu khó làm việc. Tại phiên tòa chị K'N xác định hiện tại chị đang làm việc cho Công ty, có công việc và thu nhập ổn định. Đồng thời chị K'N tự nguyện nhận trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng. Trong khi đó anh K'M hiện không có công việc và thu nhập ổn định. Do vậy, để đảm bảo khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng, cũng như để thuận tiện hơn cho các bên đương sự trong việc thỏa thuận về tài sản sau này, cần buộc chị K'N phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số nợ gốc là 18.000.000 đồng; đồng thời, buộc chị K'N phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo các hồ sơ vay vốn cho đến khi thanh toán xong nợ gốc cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

[8] Về án phí: Chị K'N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn và 900.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng ($18.000.000\text{đồng} \times 5\% = 900.000\text{đồng}$). Tổng số tiền án phí sơ thẩm chị K'N phải chịu là 1.200.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; các Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 90, 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.;

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị K'N, xử cho chị K'N và anh K'M được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung là K'D, sinh ngày 23/6/2006 và K'K,

sinh ngày 28/02/2010 cho chị K’N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của các con. Anh K’M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về nợ chung: Buộc chị K’N phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội V số tiền nợ gốc 18.000.000đồng. Đồng thời chị K’N phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo các hồ sơ vay thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lâm Hà số 6000001044125815 và số 6600000714249049 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. .

4. Về án phí: Chị K’N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn và 900.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng số tiền án phí sơ thẩm chị K’N phải chịu là 1.200.000đồng. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị K’N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001080 ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Chị K’N còn phải nộp 900.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (03/9/2019); riêng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Ban tư pháp thị trấn Đ;
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy

